

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 140/2020/DS-PT
Ngày: 22/9/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha;

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Lịnh;
Bà Trần Thị Trâm Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu V - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 103/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Thông báo dời phiên tòa số 167/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc C (H), sinh năm 1954 (Có mặt).

Chị Trần Thị L, sinh năm 1976 (Con bà C, có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, huyện G, Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1952 (Có mặt).

Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1980 (Con bà S, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, Hải, xã T, huyện G, Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây T, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C và chị Trần Thị L trình bày: Vào năm 2009, NLQ1 có cổ diện tích đất là 04 công tầm 3 mét (không rõ sổ thừa và tờ bản đồ) của bà Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Văn L với giá là 50 (năm mươi) chỉ vàng 24k, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Bà H canh tác được 01 năm, đến năm 2010 thì bà H không canh tác nữa và có nhu cầu cổ lại phần đất trên cho bà C. Việc bà H cổ đất lại thì bà S, anh L đều hay biết và đồng ý, bà đã giao đủ 50 (năm mươi) chỉ vàng 24k cho bà H, sau đó bà canh tác diện tích đất trên.

Đến ngày 29/6/2015 (al) thì bà S, anh L có yêu cầu bà C chuyển nhượng luôn phần diện tích đất trên với số vàng đưa thêm là 13 (mười ba) chỉ vàng 24k, tổng cộng là 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k. Khi bà nhận cầm cổ và chuyển nhượng thì bà không biết đất trên do NLQ2 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà có hỏi thì bà S, anh L nói rằng đất của cháu bà nhưng bà quyết định được, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất NLQ2 đang vay vốn tại Ngân hàng, nếu cháu bà không lấy giấy về thì bà S, anh L sẽ trả tiền Ngân hàng để lấy giấy về sang tên cho bà. Vì chỗ quen biết nên bà tin tưởng và đã giao thêm 13 (mười ba) chỉ vàng 24k cho bà S, anh L. Bà S, anh L có làm giấy tay chuyển nhượng đất cho bà và có sự xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 29/6/2015, trên giấy tay bà để cho chị L là con của bà ký tên do bà già yếu và đi lại khó khăn.

Sau khi giao vàng xong thì bà có yêu cầu bà S, anh L sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà S, anh L cứ hẹn lần lữa mà không thực hiện. Đến năm 2017 thì Chi cục thi hành án dân sự huyện G tiến hành phát mãi diện tích đất trên để trả nợ cho Ngân hàng do NLQ2 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc này thì bà không tiếp tục canh tác nữa mà đã giao trả lại thửa đất trên cho NLQ2 để Thi hành án phát mãi, đến lúc này thì bà mới biết là đất của NLQ2 đứng tên. Khi biết bà S, anh L không có liên quan gì và không có quyền gì đối với thửa đất trên thì bà có yêu cầu bà S, anh L trả lại cho bà số vàng là 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k nhưng bà S, anh L không đồng ý, sự việc trên bà có làm đơn gửi chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Nay bà C và chị L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay do con bà là chị Trần Thị L ký tên) ngày 29/6/2015 giữa bà và bà S, anh L đối với thửa đất 380, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.640m² là vô hiệu. Yêu cầu bà S và anh L có trách nhiệm hoàn trả cho bà 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn L trình bày: Vào ngày, tháng, năm nào bà S, anh L không nhớ rõ là có cầm cổ đất giùm cho cháu bà là NLQ2 cho NLQ1 diện tích 3,5 công tầm 3 mét, với giá là 50 (năm mươi) chỉ vàng 24k, hai bên không có làm biên nhận, không có hợp đồng cầm cổ và cũng không có ai

chứng kiến, hai bên thỏa thuận cầm cố đất trong thời gian bao lâu bà không nhớ, bà cho rằng NLQ2 và bà H giao nhận vàng trực tiếp với nhau. Khi bà H canh tác được một thời gian thì bà H cố lại cho bà C bà không hay biết, khi đó giữa NLQ2 và bà C thỏa thuận chuyển nhượng đất với nhau, bà C giao thêm 13 (mười ba) chỉ vàng 24k cho NLQ2, tổng cộng là 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k có bà chứng kiến tại nhà của bà.

Nay bà C, chị L yêu cầu bà và anh L trả lại 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k thì bà và anh L không đồng ý vì bà và anh L chỉ cầm cố, chuyển nhượng đất giùm cho NLQ2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- *NLQ1 trình bày:* Vào năm 2009 bà có nhận cầm cố diện tích đất là 04 công tầm 3 mét (không rõ số thửa và tờ bản đồ) của bà Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn L với giá là 50 (năm mươi) chỉ vàng 24k. Bà canh tác được 01 năm, đến năm 2010 thì cố lại cho bà C, việc bà cố đất lại cho bà C thì bà S, anh L đều biết và đồng ý, bà đã nhận đủ 50 (năm mươi) chỉ vàng 24k từ bà C, sau đó bà C canh tác diện tích đất trên.

Đến ngày 29/6/2015 (al) thì bà S, anh L có yêu cầu bà C chuyển nhượng luôn phần diện tích đất trên với số vàng đưa thêm là 13 (mười ba) chỉ vàng 24k, tổng cộng là 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k. Khi bà nhận cầm cố đất thì bà không biết đất do NLQ2 đứng tên. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà không có yêu cầu gì.

- *Tại biên bản lấy lời khi ngày 10/7/2019 NLQ2 trình bày:* Trước đây bà có một diện tích đất khoảng 4-5 công tầm 3 mét (diện tích và số thửa bà không nhớ) nguồn gốc phần diện tích đất này là của bà Huỳnh Thị S cho lại bà, thời điểm bà S cho đất thì bà ở chung với bà S vì giữa bà và bà S có quan hệ họ hàng với nhau. Bà S cho đất vào thời gian nào thì bà không nhớ rõ, bà canh tác được một thời gian thì về nhà mẹ ruột sinh sống nên giao lại phần diện tích đất trên cho bà S quản lý và canh tác. Phần đất này bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này do cần vốn làm ăn nên bà đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, nhưng khi đến hạn bà không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện và Chi cục thi hành án đã phát mãi thửa đất trên bán trả nợ cho Ngân hàng. Bà xác định việc cầm cố và chuyển nhượng giữa bà H, bà C và anh L, bà S thì bà hoàn toàn không hay biết. Bà cũng xác định bà không có nhờ bà S, anh L cầm cố đất cho bà H cũng như chuyển nhượng cho bà C và bà xác định là bà không có nhận vàng từ bà C hay bà H.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc C, chị Trần Thị L đối với bị đơn bà Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn L.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 04 công tầm 3 mét, thuộc thửa đất 380, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.640m² tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (giấy tay sang nhượng ngày 29/6/2015 do chị L ký

tên) giữa bà C và bà S, anh L là vô hiệu. Các bên đều xác định diện tích đất chuyển nhượng là của NLQ2 đã kê biên phát mãi vào năm 2017 nên không yêu cầu xem xét.

- Buộc bà Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Văn L phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc C, chị Trần Thị L 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k loại 98%

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2020 bà Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Văn L có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, bà S và anh L không đồng ý hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc C và chị Trần Thị L 63 (Sáu mươi ba) chỉ vàng 24k loại 98%.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà S, anh L và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét các đương sự đều thống nhất nguồn gốc diện tích đất 5.640m², thửa số 380, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang do NLQ2 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017 Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang tiến hành phát mãi diện tích đất trên để trả nợ cho Ngân hàng do bà V thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay vốn tại Ngân hàng. Nay bà Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Văn L kháng cáo không đồng ý hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc C, chị Trần Thị L 63 (Sáu mươi ba) chỉ vàng 24k loại 98%. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản về việc không đối chất được của Tòa án ngày 13/11/2019 bà S và anh L thừa nhận năm 2009 có cổ cho bà H 3,5 công tầm 3m với giá 50 chỉ vàng 24k, phần đất cổ này là của cháu bà là NLQ2, bà cổ giùm

NLQ2, bà là di ruột của NLQ2, bà có nhận đủ số vàng cổ đất 50 chỉ vàng 24k từ bà H, nhưng sau đó bà giao số vàng trên cho NLQ2 và bà xác định bà không có nhận 13 chỉ vàng 24k từ bà C, việc chuyển nhượng đất giữa NLQ2 và bà C thì bà ký chứng kiến. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà S và anh L cho rằng bà và anh chỉ ký tên vào giấy tay sang nhượng đất với tư cách là người ký chứng kiến việc chuyển nhượng đất giữa bà C với NLQ2, chứ bà S và anh L không cầm cố, chuyển nhượng đất giùm NLQ2 hay nhận vàng từ bà H, bà C. Việc cầm cố hay chuyển nhượng đất là giao dịch giữa NLQ2 với bà H, bà C chứ bà và anh L không biết. Xét lời trình bày của bà S và anh L có sự mâu thuẫn, không nhất quán lời trình bày ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Tuy nhiên, đây chỉ là lời khai nại từ phía bà S, anh L không được phía NLQ2 đồng ý, vì tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2019 của Tòa án (Bút lục 66-68) NLQ2 xác định việc cầm cố và chuyển nhượng giữa bà H, bà C với anh L, bà S thì bà hoàn toàn không hay biết, NLQ2 cũng xác định không có nhờ bà S cầm cố giùm cho bà H và chuyển nhượng giùm cho bà C, bà cũng không nhận vàng từ bà C hay bà H.

[3] Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay giữa bà C và bà S, anh L đều thống nhất với nhau về giá chuyển nhượng đất là 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k và căn cứ giấy sang nhượng đất ngày 29/6/2015 (Bút lục 34) bà S và anh L đều thừa nhận là chữ viết và chữ ký là của mình, bà C xác định do bà tuổi cao đi lại khó khăn nên để chị Trần Thị L là con bà ký tên cũng được bà S, anh L thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H và bà C đều khẳng định không biết NLQ2 là ai, lời trình bày của bà S và anh L không đúng vì trên thực tế hai bà thực hiện giao dịch cầm cố, chuyển nhượng đất và giao nhận vàng là giao dịch trực tiếp với bà S và anh L. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 04/12/2019 (Bút lục 80-81), anh Nguyễn Trung Quốc xác định anh có ký tên chứng kiến giấy sang nhượng đất ngày 29/6/2015 và anh Quốc cũng xác định tại biên bản hòa giải địa pH ngày 30/5/2017 thì bà S, anh L thừa nhận có sang nhượng đất cho bà C và có nhận số vàng 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k nhưng bà S cho rằng sang nhượng giùm cháu bà là NLQ2. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh bà S và anh L làm giấy tay sang nhượng đất cho bà C, chị L diện tích 5.640m² (tương đương khoảng 04 công tầm 03 mét) với giá 63 (sáu mươi ba) chỉ vàng 24k là đúng sự thật.

[4] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phần lãi suất chậm trả như “Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015” là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bà S và anh L cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà S và anh L.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nội dung kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn L và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn L mỗi người phải nộp 300.000 đồng do nội dung kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên bà Huỳnh Thị S thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 127 và Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Văn L.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C, chị Trần Thị L đối với bị đơn bà Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn L.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 04 công tằm 3 mét, thuộc thửa đất 380, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.640m² tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (giấy tay sang nhượng ngày 29/6/2015 do chị L ký tên) giữa bà C và bà S, anh L là vô hiệu. Các bên đều xác định diện tích đất chuyển nhượng là của NLQ2 đã kê biên phát mãi vào năm 2017 nên không yêu cầu xem xét.

- Buộc bà Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Văn L phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc C, chị Trần Thị L 63 (Sáu mươi ba) chỉ vàng 24k loại 98%.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Ngọc C và chị Trần Thị L đã nộp là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007332 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Huỳnh Thị S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Huỳnh Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

2.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bà S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng, do anh Huỳnh Văn L nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0003310 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Anh Huỳnh Văn L phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003311 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Bá Kha